



CƠ SỞ VỮNG CHẮC CHO ĐẤT NƯỚC BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN MỚI, KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

TẠ NGỌC TÂN*

Việc nhận thức về “khởi điểm lịch sử” cho đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc có ý nghĩa vô cùng quan trọng, trở thành cơ sở, điều kiện cho việc xác định nội dung, hình thức được đổi mới trong các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng. Bài viết này tập trung làm rõ cơ sở hiện thực cho phép chúng ta khẳng định rằng, Đại hội XIV của Đảng là khởi điểm lịch sử để đất nước ta vững bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Trên thế giới có nhiều định nghĩa khác nhau về kỷ nguyên, song tựu trung lại, kỷ nguyên là một thời kỳ lịch sử được đánh dấu bởi một sự kiện lớn hay mang một đặc trưng nào đó có ý nghĩa chi phối, định hình đối với sự phát triển của xã hội. Vậy đâu là sự kiện hay tính chất đặc trưng của kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc ta?

Trong nhiều bài viết, bài nói chuyện gần đây, Tổng Bí thư Tô Lâm nêu rõ đặc trưng khái quát, chủ yếu của kỷ nguyên mới mà đất nước ta bắt đầu bước vào từ Đại hội XIV của Đảng là “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”. *Thứ nhất*, đó là kỷ nguyên phát triển mạnh mẽ để trở thành một nước xã hội chủ nghĩa (XHCN) giàu mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; *thứ hai*, đó là kỷ nguyên trong đó nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc trong một

xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Và *thứ ba*, đó là kỷ nguyên mà Việt Nam đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, sánh vai với các cường quốc năm châu. Về bản chất, nói đến kỷ nguyên mới của đất nước cũng chính là nói đến hoài bão, mục đích cao cả mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vĩ đại, kính yêu của dân tộc ta đã dang hiến cả cuộc đời mình để “xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”. Nói đến kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của đất nước cũng chính là nói đến mục đích phấn đấu nhất quán trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, nói đến lý

* GS, TS, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương



tường cao cả, mà vì nó lớp lớp đảng viên, chiến sĩ cách mạng dũng cảm đấu tranh, đã ngã xuống nơi ngục tù, trường bắn hay trên chiến trường, dâng hiến cả xương máu của đời mình. Nói đến kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của đất nước chính là nói đến ước vọng nghìn đời của dân tộc, khát khao cháy bỏng của mỗi người dân Việt Nam, đã trở thành giá trị căn bản của tiêu ngữ đặt dưới Quốc hiệu Việt Nam, đó là Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

1- Đây là cơ sở vững chắc, tự tin để khẳng định đất nước ta có thể vững bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc với tất cả đặc trưng, giá trị ấy?

Thứ nhất, trên cơ sở kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, từ kết quả nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn công cuộc xây dựng, phát triển đất nước, Đảng ta đã từng bước hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới, thực chất là lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam thời kỳ đổi mới, tạo cơ sở cho Đảng ta lãnh đạo đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Đó là một hệ thống quan điểm về chủ nghĩa xã hội Việt Nam và con đường xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh thế giới đương đại cùng điều kiện, đặc điểm cụ thể của Việt Nam. Như V. I. Lê-nin đã chỉ ra rằng, mọi dân tộc trên thế giới đều sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội, nhưng với con đường khác nhau; đồng thời, khẳng định theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội. Đây là luận điểm nền tảng, thể hiện bản lĩnh vững vàng không thể lay

chuyển của Đảng ta về kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định nhất quán lập trường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và cả dân tộc ta đã lựa chọn.

Nhưng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta như thế nào, bị chi phối bởi những mối quan hệ có tính quy luật hay những yếu tố tất yếu nào? Trên cơ sở chỉ dẫn của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội của đất nước, Đảng ta đã nhận thức sâu sắc rằng, muốn đi tới chủ nghĩa xã hội, mọi quốc gia - dân tộc buộc phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài, phức tạp, nhằm cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới; trong đó, yếu tố của xã hội mới sẽ dần dần hoàn thiện, nhưng yếu tố của xã hội cũ vẫn song song hiện hữu. Đó là thời kỳ phải cải biến toàn diện, sâu sắc về chất trên tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội, từ phát triển nền kinh tế, xây dựng lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất, không ngừng nâng cao năng suất lao động, đến xây dựng nền văn hóa, xây dựng con người, chuẩn bị điều kiện cần và đủ cho một xã hội hiện đại, văn minh, có năng suất lao động cao, tạo ra của cải dồi dào, không có người bóc lột người; con người được sống trong điều kiện tự do, công bằng, hạnh phúc, được phát triển toàn diện. Tất nhiên, thời gian, con đường, bước đi ra sao còn phụ thuộc vào điều kiện cụ thể về kinh tế, văn hóa, xã hội, lịch sử và địa lý của mỗi quốc gia, dân tộc. Song, do tính chất rất lâu dài, khó khăn và phức tạp, nên thời kỳ quá độ đòi hỏi sự lãnh đạo sáng suốt, hiệu lực của một đảng vững mạnh để chỉ ra đường lối đúng đắn và bảo đảm định hướng XHCN; đòi hỏi sự quản lý hiệu năng, hiệu quả của một nhà nước trong sạch, vững mạnh, chuyên



nghiệp để bảo đảm tổ chức thực hiện thành công nhiệm vụ to lớn, nặng nề; đòi hỏi sự đoàn kết, thống nhất của mọi tầng lớp nhân dân trong cộng đồng toàn dân tộc tạo thành lực lượng bảo đảm thực hiện thành công sự nghiệp cải biến xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

Trên nền tảng nhận thức lý luận ấy, Đảng ta đã “nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật”, nhận rõ vấn đề đặt ra từ thực tiễn lịch sử và thực tế của đất nước. Khác với các nước XHCN, như Liên Xô và ở châu Âu trước đây đều bắt đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội với trình độ phát triển trung bình, nước ta bước vào quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một thuộc địa bị đế quốc, thực dân áp bức, bóc lột suốt hơn 80 năm, trải qua hơn 30 năm chiến tranh tàn phá; từ một nước nghèo, với nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp nhỏ bé, nguồn lực khoa học - công nghệ, tài chính, nguồn lực con người đều rất hạn chế. Chúng ta cần một mô hình chủ nghĩa xã hội, một con đường xây dựng xã hội XHCN riêng có của Việt Nam, không thể áp dụng một cách máy móc kinh nghiệm hay mô hình phát triển của nước ngoài. Bài học lịch sử cho thấy, một khi chúng ta áp dụng máy móc, trực tiếp kinh nghiệm, cách làm của nước ngoài thì kết quả đều không đạt được như mong đợi, thậm chí còn để lại hậu quả nặng nề.

Từ nhận thức lý luận ấy, Đảng ta đã thể chế hóa, thể hiện trong đường lối xây dựng và phát triển đất nước, tập trung nhất là trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011), với mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam bao gồm 8 đặc trưng: 1- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; 2- Do nhân dân làm

chủ; 3- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; 4- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; 5- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; 6- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; 7- Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; 8- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới. Để đi đến hiện thực hóa mô hình mục tiêu đó, chúng ta cần thời gian, nhất là cần đột phá tiếp theo về lý luận; từ đó, đề ra nội dung, giải pháp khả thi, hiệu quả. Đó chính là lý luận và giải pháp về: Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; tăng trưởng kinh tế đồng thời với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, đại đoàn kết toàn dân tộc; phát triển toàn diện con người, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, “thế trận lòng dân”, nền ngoại giao theo trường phái “Cây tre”... Đây chính là nhận thức lý luận làm cơ sở cho giải pháp đột phá, góp phần quyết định cho những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới.

Tóm lại, nói như Chủ tịch Hồ Chí Minh khi trích dẫn luận điểm nổi tiếng của V. I. Lê-nin trên trang đầu cuốn sách *Đường Cách mệnh* của Người xuất bản lần đầu từ năm 1927 chỉ rõ: “Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động...”

(1) Xem trang sau



Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiền phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiền phong⁽¹⁾. *Lý luận về đường lối đổi mới* không chỉ là “lý luận cách mệnh tiền phong”, mà còn là một lý luận cách mạng mang tính thực tiễn sâu sắc, được kết tinh từ kinh nghiệm lịch sử của Đảng qua 95 năm lãnh đạo cách mạng và nhất là qua gần 40 năm lãnh đạo công cuộc đổi mới. Đó chính là một cơ sở lý luận vững chắc cho đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Thứ hai, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sau gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, đất nước ta đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng con người, bảo đảm quốc phòng an ninh, hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, làm cho cơ đồ, tiềm lực, vị thế của đất nước được nâng lên tầm cao mới, bảo đảm cơ sở cho đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phát triển trở thành nước XHCN giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, sánh vai với các cường quốc năm châu như tâm nguyện lúc sinh thời của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Về kinh tế - từ một nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp lạc hậu, bị tàn phá nặng nề sau chiến tranh, hằng năm phải nhập khẩu lương thực, sau gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đến hết năm 2023, quy mô GDP của nước ta đạt 430 tỷ USD, tăng gấp 96 lần năm 1986, gấp 2,5 lần năm 2011, tham gia vào nhóm 40 nước có nền kinh tế lớn nhất thế giới. Cơ cấu nền kinh tế đang chuyển dịch theo hướng hiện đại. Năm 2023, tỷ trọng giá trị trong GDP của các khu vực như sau: Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là 11,96%, công nghiệp và xây dựng là 37,12%, dịch

vụ là 42,54%. Từ một nước bị bao vây, cấm vận, chúng ta đã phát triển quan hệ thương mại với hơn 230 nền kinh tế trên thế giới, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu năm 2024 ước đạt hơn 807 tỷ USD, trong đó xuất siêu đạt khoảng 23 tỷ USD⁽²⁾, đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ 22 toàn cầu. Từ một nước phải nhập khẩu lương thực mỗi năm 2 triệu tấn, Việt Nam không chỉ cung cấp đủ lương thực cho 100 triệu dân, mà còn là một trong ba nước xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới. Tính đến hết tháng 11-2024, Việt Nam đã xuất khẩu được 8,5 triệu tấn gạo, với kim ngạch hơn 5,3 tỷ USD. Sau gần 40 năm mở cửa, Việt Nam đã thu hút hơn 520 tỷ USD vốn FDI đăng ký, hiện nay có hơn 36.000 dự án đang hoạt động, với tổng số vốn khoảng 450 tỷ USD; trong đó, đã giải ngân hơn 250 tỷ USD. Đến nay, Việt Nam đã tham gia 19 hiệp định thương mại tự do (FTA) đa phương và song phương (trong đó, có 16 FTA đã ký kết và 3 FTA đang đàm phán). Việt Nam trở thành một trong số ít nền kinh tế mở nhất thế giới, hội nhập quốc tế toàn diện và sâu sắc nhất.

Kết cấu hạ tầng của đất nước được cải thiện không ngừng, tạo cơ sở thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Cả nước đã có gần 26.000km đường quốc lộ, trong đó có khoảng 2.000km đường cao tốc; có 22 sân bay đang hoạt động bay dân sự, trong

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 2, tr. 279

(2) Theo: Báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội năm 2024, giải pháp tăng tốc phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 do Thủ tướng Chính phủ trình bày tại “Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; tình hình kinh tế - xã hội năm 2024, giải pháp tăng tốc phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và tháo gỡ những điểm nghẽn, nút thắt về thể chế”, Hà Nội, ngày 1-12-2024.



đó có 11 sân bay quốc tế; có 7 tuyến đường sắt, với 2.703km đường tuyến chính, đi qua 34 tỉnh, thành phố; có 34 cảng biển các loại, trong đó, có hai cảng cấp đặc biệt, với trên 100km cầu cảng, bắt đầu hoạt động từ năm 1997. Internet của Việt Nam phát triển rất nhanh chóng, mạng cáp quang đã kết nối đến 100% xã, hạ tầng băng di động đã phủ sóng hầu hết thôn, bản. Đến giữa năm 2024, tỷ lệ người dùng internet ước đạt 78% dân số; lượng thuê bao internet di động đạt trung bình 91,9 thuê bao trên 100 dân. Internet Việt Nam đã chuyển đổi từ hạ tầng thông tin liên lạc thành hạ tầng số của nền kinh tế, mở ra cơ hội tiếp cận, trở thành công cụ phát triển kinh tế - xã hội cho mọi người dân, mọi ngành, nghề, mọi doanh nghiệp. Đến nay có khoảng 80 triệu người Việt Nam sử dụng internet.

Về văn hóa, xã hội và con người, những thành tựu của công cuộc đổi mới sau gần 40 năm đã không ngừng tăng cường điều kiện phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao chất lượng bảo đảm an sinh xã hội, an ninh con người. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 58% theo chuẩn cũ năm 1993 xuống còn khoảng 1,93% theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2024. Năm 2024, chỉ số hạnh phúc của Việt Nam xếp thứ 54/143 nước được đánh giá. Nhà nước, xã hội hỗ trợ kịp thời nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm cuộc sống.

Nước ta đã hoàn thành xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000 và phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2014; gần 99% người lớn biết đọc, biết viết. Đến năm 2023, số sinh viên đại học, cao đẳng ở nước ta tăng gần 20 lần trong gần 40 năm qua, đạt 215 người/1 vạn dân. Đời sống văn hóa của nhân dân ở các địa bàn trong cả nước được cải thiện đáng kể; sinh hoạt văn

hóa phát triển phong phú, đa dạng; nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được bảo tồn, phát huy trong giáo dục con người và phát triển kinh tế du lịch. Chất lượng khám, chữa bệnh và các dịch vụ y tế không ngừng được nâng lên, 94,1% dân số có bảo hiểm y tế. Người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và người cao tuổi được cấp bảo hiểm y tế miễn phí. Tuổi thọ trung bình của người dân tăng từ 62 tuổi năm 1990 lên 74,6 tuổi năm 2023; chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt mức 0,726, xếp thứ 107 trong tổng số 193 quốc gia được xếp hạng, là mức HDI cao trong nhóm các nước đang phát triển có thu nhập trung bình của thế giới. Việt Nam thuộc nhóm nước đi đầu trong việc thực hiện các *mục tiêu thiên niên kỷ*.

Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trong bối cảnh thế giới biến chuyển nhanh chóng, phức tạp khó lường, Việt Nam vẫn giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc. Trong đó, tiềm lực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ, quốc phòng, an ninh không ngừng được tăng cường. Sự ổn định chính trị - xã hội tạo điều kiện quan trọng để thu hút nhà đầu tư nước ngoài, mở rộng quan hệ hợp tác, hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện vào các tiến trình, chuỗi sản xuất của thế giới, tham gia tích cực vào việc duy trì hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới.

Từ một quốc gia bị bao vây, cấm vận, đến nay chúng ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 nước, trong đó có 3 nước *quan hệ đặc biệt*, 9 nước *đối tác chiến lược toàn diện*, 10 nước *đối tác chiến lược* và 13 nước *đối tác toàn diện*. Đặc biệt, nước ta đã thiết lập quan hệ *đối tác chiến lược toàn diện* với 4/5 nước Ủy viên Thường trực Hội



đồng Bảo an Liên hợp quốc (nước còn lại là đối tác chiến lược) và có quan hệ kinh tế - thương mại với 230 nền kinh tế trên thế giới.

Về xây dựng, chinh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, toàn diện, có nhiều chuyển biến tích cực cả về tư tưởng, tổ chức và năng lực lãnh đạo, cầm quyền, kiên định bản lĩnh chính trị, giữ vững uy tín đối với nhân dân, với bạn bè trên thế giới, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện rõ ràng, nhất quán quan điểm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đại diện trung thành và tin cậy cho lợi ích của giai cấp và toàn dân tộc. Đặc biệt là, từ khi chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và các nước Đông Âu và Trung Âu sụp đổ, sự hỗ trợ về kinh tế, sự ủng hộ chính trị của hệ thống XHCN không còn, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định độc lập dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân gắn liền với mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội, vững tay chèo lái, đưa “con thuyền đất nước” đi lên chủ nghĩa xã hội.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, công cuộc đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, ngày càng cải thiện cuộc sống toàn diện cho nhân dân. Đó chính là yếu tố đặc biệt quan trọng, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm cho sự bền vững của đất nước. Khi mới thành lập, “Đảng có 565 đảng viên, phân ra làm 40 chi bộ”⁽³⁾, đến năm 1986, khi bắt đầu đổi mới Đảng ta đã có 2.109.613 đảng viên. Đặc biệt, sau gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới, số lượng đảng viên của Đảng đã lên đến hơn

5,4 triệu người, tăng gần 2,6 lần, sinh hoạt trong 52.323 tổ chức cơ sở đảng.

Cùng với sự trưởng thành, lớn mạnh của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng được hoàn thiện về cơ cấu tổ chức, về đội ngũ cán bộ, công chức, tăng cường nguồn lực và điều kiện hoạt động, nâng cao năng lực, hiệu lực trong quản lý phát triển đất nước. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nhân dân được củng cố, phát triển ngày càng rộng khắp, gắn bó mật thiết và đại diện tin cậy cho quyền làm chủ của mọi tầng lớp nhân dân từ các dân tộc, địa phương, tôn giáo, tín ngưỡng.

Như vậy, có thể khẳng định, sau gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam có một cơ đồ to đẹp, đàng hoàng hơn; tiềm lực đất nước được tăng cường mạnh mẽ, uy tín, vị thế trên trường quốc tế được nâng lên tầm cao mới; đồng thời, đất nước ta có một nền chính trị vững mạnh về tổ chức, về nguồn lực con người và năng lực quản lý phát triển đất nước, một nền chính trị nhân văn, hiện đại, của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, từ nhân dân mà ra, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tin cậy, trao gửi quyền lực và niềm tin. Những yếu tố đó chính là một điều kiện có ý nghĩa quyết định, làm cơ sở cho đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

Thứ ba, bối cảnh thế giới hiện nay đầy biến động phức tạp, khó lường, xu hướng chuyển dịch để hình thành một thế giới đa cực, đa trung tâm và mang đậm tính chất song tuyến đang ngày càng rõ rệt. Sự phát

(3) *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, t. 4, tr. 409



triển của kinh tế, văn hóa và con người, khoa học - công nghệ hiện đại đang đặt ra yêu cầu sự hợp tác như một điều kiện không thể có lựa chọn khác, nếu các quốc gia muốn phát triển. Đó là yêu cầu khách quan về liên kết chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu, về một thị trường rộng mở, về hợp tác nghiên cứu và chia sẻ thành tựu khoa học - công nghệ. Hơn nữa, thế giới đang đứng trước nhiều nguy cơ mang tính toàn cầu từ an ninh phi truyền thống, như dịch bệnh, khủng bố, ma túy, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh mạng,... Để giải quyết được vấn đề đó, đòi hỏi trách nhiệm của cả cộng đồng nhân loại, sự hợp tác của mọi quốc gia, dân tộc. Nói cách khác, trong thế giới hiện nay, các quốc gia, dân tộc ngày càng trở nên phụ thuộc lẫn nhau. Vì thế, xu hướng hội nhập, hợp tác phát triển vẫn là xu hướng chủ đạo, không thể đảo ngược trong quan hệ quốc tế.

Một vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với thế giới hiện nay là sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, mà thành tựu của nó đã và đang làm thay đổi lực lượng sản xuất, thay đổi quá trình quản lý phát triển, thay đổi cả lối sống của con người, tác động toàn diện đến đời sống xã hội. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vừa trở thành cơ hội to lớn cho sự phát triển nhanh, bền vững, vừa tạo ra thách thức không nhỏ cho các quốc gia, dân tộc, nhất là nước đang phát triển, còn hạn chế về nguồn lực và khả năng làm chủ công nghệ lõi, công nghệ mới. Chỉ nước nào biết nắm bắt cơ hội, có khả năng đáp ứng yêu cầu về nguồn lực, có chiến lược và sách lược hợp lý để đồng hành với các bước đi, vận dụng được thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư thì nước đó mới có

thể phát triển. Với cơ đồ, tiềm lực, trong đó nguồn lực mọi mặt, nhất là nguồn lực con người được tăng cường, vị thế và uy tín quốc tế được nâng cao qua gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, với một nền chính trị vững mạnh, bền chặt và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, Việt Nam có đủ mọi điều kiện để tham gia vào tiến trình chung, cập nhật mọi thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vì mục tiêu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2- Soi chiếu vào yêu cầu có tính quy luật về phát triển để thấy rõ hơn cơ sở vững chắc cho đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Theo các kết quả nghiên cứu tổng kết của giới khoa học cho thấy, có 4 yếu tố chủ yếu như điều kiện cần và đủ để các nước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công, trở thành nước phát triển có thu nhập cao, gia nhập Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) trên thế giới trong những thập niên gần đây, bao gồm khoa học - công nghệ, nguồn lực con người, nguồn lực tài chính, sự ổn định chính trị - xã hội. Vậy ở Việt Nam, thực trạng 4 yếu tố đó ra sao, có thể đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới không?

Thứ nhất, nói đến khoa học - công nghệ là nói đến khả năng nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ vào phát triển kinh tế và các lĩnh vực của đời sống xã hội. Điều đó có nghĩa là nói đến toàn diện các điều kiện thực tế bảo đảm khả năng thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, bao gồm thể chế, nguồn nhân lực, hạ tầng, trình độ phát triển của thị trường,



trình độ phát triển của doanh nghiệp, sản phẩm tri thức và công nghệ, sản phẩm sáng tạo. Chỉ có cập nhật, nghiên cứu để ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ mới nhất, mới có thể phát triển lực lượng sản xuất, đổi mới công nghệ sản xuất, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất lao động, làm ra nhiều của cải vật chất, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng lên của xã hội.

Những thành tựu về xây dựng, phát triển sau gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới đã tạo dựng cho chúng ta một nền tảng đủ mạnh để bảo đảm điều kiện khoa học - công nghệ cho sự phát triển đột phá của đất nước trong kỷ nguyên mới. Với nền giáo dục hướng về người dân, chúng ta có 99% dân số biết chữ, hơn 2 triệu sinh viên đại học mỗi năm. Sinh viên nước ta du học ở các nước có nền khoa học - công nghệ phát triển cao ngày càng nhiều, mỗi năm hàng chục nghìn người. Đặc biệt, học sinh Việt Nam có khả năng tốt về toán và các môn khoa học. Theo kết quả khảo sát năm 2022 của OECD, học sinh Việt Nam đạt điểm gần mức trung bình của OECD ở cả ba môn toán, đọc và khoa học, xếp thứ 34 trong tổng số 81 nước được khảo sát, đứng thứ hai trong khu vực ASEAN. Đảng và Nhà nước luôn sáng suốt và kịp thời cập nhật tiến bộ khoa học - công nghệ, có chủ trương, chính sách để thúc đẩy việc tiếp thu, ứng dụng để phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ con người. Hạ tầng khoa học - công nghệ của đất nước được tăng cường. Hợp tác quốc tế góp phần tích cực cho phát triển về khoa học - công nghệ của đất nước, cả về hạ tầng, năng lực nghiên cứu, ứng dụng, phát triển doanh nghiệp và tăng cường số lượng, chất lượng sản phẩm sáng tạo.

Nếu lấy Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (Global Innovation Index - GII) làm thước đo chủ yếu để đánh giá năng lực khoa học - công nghệ của đất nước, Việt Nam đã có tiến bộ vượt bậc. Theo Báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2023 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), Việt Nam xếp hạng 46/132 quốc gia, tức là đã vượt 13 bậc so với năm 2016. Các lĩnh vực mới, như AI, điện toán đám mây, đang được ứng dụng mạnh mẽ tại nhiều ngành công nghiệp khác nhau, đầu tư phát triển ở doanh nghiệp tại Việt Nam. Từ đó có thể thấy, Việt Nam đang có năng lực, điều kiện có thể đáp ứng yêu cầu về khoa học - công nghệ để thúc đẩy đột phá phát triển trong kỷ nguyên mới.

Thứ hai, nói đến nguồn lực con người là nói đến con người cả về số lượng và chất lượng một cách toàn diện. Đó là nói đến con người với vai trò từ người lao động thừa hành trong dây chuyền sản xuất đơn giản, đến người làm việc trong hệ thống kỹ thuật, sáng tạo trình độ cao. Đó là nói đến con người trong vai trò đội ngũ nhà khoa học, chuyên gia, đội ngũ trí thức làm việc trong môi trường lao động sáng tạo, chất lượng cao; nói đến đội ngũ cán bộ, chuyên gia, nhà quản lý có đủ năng lực chuyên môn, chuyên nghiệp cao để thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành tổ chức, đơn vị kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, cán bộ nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển. Đó là nói đến nhóm người ưu tú làm việc trong hệ thống chính trị, những người không chỉ có tài năng về chuyên môn, mà còn có đạo đức trong sáng, tận tụy và chuyên nghiệp trong công việc, xứng đáng vai trò là đội ngũ dẫn dắt phát triển xã hội trong tương lai.



Sau gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, dân số Việt Nam đã tăng hơn 100 triệu người, thời kỳ dân số vàng còn kéo dài đến gần hết những năm 30 của thế kỷ XXI, bảo đảm *nguồn lực con người* khá dồi dào cho mọi đề án, chiến lược phát triển. Hơn nữa, chất lượng nguồn lực con người đã được tăng cường toàn diện về thể lực và trí lực, về mức độ đào tạo và trình độ chuyên môn, tay nghề. Đặc biệt, đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý và cán bộ lãnh đạo chính trị đã được đào tạo bài bản, được rèn luyện từ môi trường thực tế xây dựng phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới, đã trưởng thành cả về năng lực chuyên môn, bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức. Nguồn lực con người cho phát triển của Việt Nam còn được tăng cường từ lực lượng Việt kiều, từ khả năng mở rộng hợp tác quốc tế sâu rộng, qua đó thu hút chuyên gia, người lao động trình độ cao từ nước ngoài. Đó là cơ sở bảo đảm nguồn lực con người cho kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Thứ ba, nói đến nguồn lực tài chính là nói đến nguồn vốn đầu tư phát triển đồng bộ toàn bộ nền kinh tế - xã hội, từ kết cấu hạ tầng, nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học cho phát triển, đổi mới công nghệ để phát triển doanh nghiệp, tổ chức sản xuất trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và đầu tư cho phát triển hệ thống dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế và xã hội,... Tùy theo điều kiện cụ thể và theo lộ trình nhất định, sẽ có chính sách phân bổ nguồn lực tài chính một cách hợp lý cho các lĩnh vực cụ thể; có thể ưu tiên nguồn vốn đầu tư cho những lĩnh vực quan trọng, có vai trò đầu tàu dẫn dắt hay có ý nghĩa động lực thúc đẩy sự phát triển chung. Tuy nhiên, sự phát triển đồng bộ, hài hòa các lĩnh vực của

đời sống kinh tế - xã hội, đến lượt nó là điều kiện cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

Năm 2023, tổng giá trị GDP của Việt Nam đạt 430 tỷ USD. Theo số liệu năm 2023, nguồn vốn đầu tư phát triển của cả nước chiếm khoảng 33% giá trị GDP, đạt trên 140 tỷ USD; trong đó, nguồn vốn của Nhà nước chỉ chiếm 28%, tư nhân chiếm đến 56%, còn lại 16% là từ khu vực FDI. Tỷ lệ quá nửa nguồn vốn đầu tư phát triển đến từ khu vực kinh tế tư nhân trong nước cho thấy sự phát triển đa dạng, năng động của nền kinh tế Việt Nam ngày nay, kinh tế tư nhân đang thực sự đóng vai trò là một động lực quan trọng của sự phát triển kinh tế - xã hội.

Vào thời điểm cuối năm 2024, chỉ riêng nguồn tiền của người dân gửi vào hệ thống ngân hàng đã lên đến xấp xỉ 7 triệu tỷ đồng, tức là khoảng gần 280 tỷ USD; lượng tiền mà doanh nghiệp và tổ chức kinh tế gửi vào ngân hàng cũng gần bằng con số đó. Theo số liệu được Ngân hàng Nhà nước công bố ngày 12-11-2024 vừa qua, tổng lượng tiền tiết kiệm của người dân và doanh nghiệp, tổ chức kinh tế gửi vào ngân hàng thương mại đạt mức kỷ lục từ trước đến nay, với hơn 13,76 triệu tỷ đồng, bằng khoảng hơn 540 tỷ USD. Lượng kiều hối về Việt Nam mỗi năm đạt trên 15 tỷ USD. Ngoài ra, nguồn vốn còn được huy động nhờ hợp lý hóa, tiết kiệm chi tiêu công; nguồn lực tài chính từ nhà đầu tư nước ngoài dưới nhiều hình thức khác nhau. Đặc biệt, một khi đầu tư công mang lại hiệu quả tích cực, năng suất lao động nâng lên, sẽ trở thành động lực thúc đẩy đầu tư phát triển toàn xã hội, càng tăng cường nguồn lực tài chính của đất nước. Tóm lại, nếu chúng ta có chính sách hợp lý, hoàn toàn có thể huy động nguồn lực



tài chính rất to lớn, đủ đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Thứ tư, nói đến sự ổn định chính trị - xã hội là nói đến một nền chính trị bền vững, trong đó có sự lãnh đạo chính trị thống nhất, sự nhất quán về đường lối phát triển đất nước, sự cam kết chính trị mạnh mẽ vì sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đồng thời, đó là một nền chính trị hướng tới nhân dân, bảo vệ một cách chắc chắn quyền và lợi ích hợp pháp, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, được nhân dân tin cậy, tạo được sự đồng thuận rộng rãi của nhân dân và toàn xã hội; qua đó, tạo nên sự ổn định, bền vững của chế độ xã hội. Đến lượt mình, sự ổn định, bền vững của chế độ xã hội là điều kiện để nhà đầu tư và nhân dân yên tâm, tin tưởng đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo ra của cải, vật chất, làm giàu cho cá nhân họ và mang lại lợi ích chung cho quốc gia, dân tộc.

Nhìn một cách tổng thể, trong suốt thời kỳ gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, bối cảnh thế giới có nhiều biến động rất phức tạp, trong đó có các biến cố ảnh hưởng rất nặng nề đến tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, như sự sụp đổ của hệ thống XHCN hiện thực, đại dịch COVID-19... Song trong bất cứ hoàn cảnh phức tạp nào, chính trị - xã hội Việt Nam đều rất ổn định. Đến lượt mình, ổn định chính trị - xã hội là một trong số điều kiện có ý nghĩa quyết định cho sự tăng trưởng kinh tế cao, đều đặn và liên tục, để cho nguồn vốn đầu tư nước ngoài không ngừng tăng lên. Sự ổn định chính trị - xã hội của Việt Nam bắt nguồn từ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, từ mục đích nhân văn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhằm mục đích

tối thượng là hạnh phúc của nhân dân, từ truyền thống yêu nước nồng nàn và niềm tin son sắt của nhân dân đối với Đảng, với con đường cách mạng mà Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Sự ổn định chính trị - xã hội đó là một biểu hiện tập trung nhất cho sự ưu việt của chế độ chính trị của Việt Nam, chế độ của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước ta trong suốt quá trình đổi mới vừa qua là *nguồn vốn* rất to lớn, là *bài học* vô cùng quý báu trong hành trang phát triển, là điều kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bảo đảm cho kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam.

Sau gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, chúng ta có được cơ sở vững chắc, quan trọng nhất bảo đảm cho phát triển đột phá của đất nước trong kỷ nguyên mới. Đó là, hệ thống lý luận về đường lối đổi mới ngày càng hoàn thiện, cơ đồ, tiềm lực của đất nước được tăng cường; cuộc sống của nhân dân được cải thiện cơ bản; nền chính trị - xã hội ổn định một cách bền vững; vị thế, uy tín quốc tế của đất nước được nâng cao. Đó chính là thành quả có được nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, nhờ bàn tay, khối óc và tinh thần lao động sáng tạo không mệt mỏi của nhân dân, sự ủng hộ và hợp tác rất đáng trân trọng của bạn bè và các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới. Với cái nhìn xuyên suốt tiến trình lịch sử, cũng như sự phân tích toàn diện bối cảnh trong nước, quốc tế, sự phân tích một cách khoa học, thực tiễn điều kiện, yêu cầu phát triển sắp tới, có thể nói đất nước ta đang đứng trước thời cơ lịch sử để vững bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh và hạnh phúc.□